

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX

Tháp Mười, ngày tháng 8 năm 2023

V/v đăng ký nhiệm vụ thực hiện
Chiến lược về dinh dưỡng đến
năm 2025 và đến năm 2030 trên
địa bàn huyện

Kính gửi: Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp

Thực hiện Công văn số 3342/SYT-NVY ngày 11/8/2023 của Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp về việc đăng ký nhiệm vụ thực hiện Chiến lược về dinh dưỡng đến năm 2025 và đến năm 2030 trên địa bàn Tỉnh.

Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười đăng ký nhiệm vụ thực hiện Chiến lược về dinh dưỡng đến năm 2025 và đến năm 2030 trên địa bàn huyện, (có Phụ lục kèm theo).

Trên đây là nội dung đăng ký của Ủy ban nhân dân huyện Tháp Mười./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng Y tế huyện;
- TTYT huyện;
- LĐVP;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hiệp

Phụ lục
Mẫu đăng ký nhiệm vụ thực hiện Chiến lược về dinh dưỡng
đến năm 2025 và đến năm 2030 trên địa bàn huyện
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /8/2023 của UBND huyện Tháp Mười)

Bảng 1. Nhiệm vụ thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Ghi chú
1	Tập huấn cho Cộng tác viên 13 xã, thị trấn về bệnh không lây nhiễm và giảm muối i-ốt	2024	14.220.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	14.220.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	14.220.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	14.220.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2028	14.220.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2029	14.220.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2030	14.220.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
2	Điều tra ngẫu nhiên hộ gia đình sử dụng muối i-ốt	2024	7.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	7.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	7.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	7.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Ghi chú
		2028	7.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2029	7.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2030	7.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
3	Tập huấn truyền thông nhóm cộng đồng cho người dân về bệnh không lây nhiễm và giảm muối i-ốt	2024	57.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	57.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	57.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	57.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2028	57.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2029	57.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2030	57.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
4	Hỗ trợ cộng tác viên mời đối tượng uống vitamin A (2 đợt/năm)	2024	18.352.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	18.352.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	18.352.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	18.352.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2028	18.352.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Ghi chú
		2029	18.352.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2030	18.352.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
5	Hỗ trợ cộng tác viên cân, đo trẻ < 5 tuổi (1 lần/năm)	2024	9.176.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	9.176.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	9.176.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	9.176.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2028	9.176.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2029	9.176.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2030	9.176.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
6	Nói chuyện chuyên đề về dinh dưỡng hợp lý	2024	4.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	4.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	4.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	4.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2028	4.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2029	4.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Kinh phí thực hiện	Đơn vị chủ trì/phối hợp	Ghi chú
		2030	4.800.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
7	Băng rol tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ (từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 8 hằng năm)	2024	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2028	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2029	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2030	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
8	Băng rol tuần lễ dinh dưỡng và phát triển (từ ngày 16 đến ngày 23 tháng 10 hằng năm)	2024	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2025	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2026	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2027	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2028	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2029	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	
		2030	4.200.000	Trung tâm Y tế huyện/Trạm Y tế	

Bảng 2. Đề nghị phân khai kinh phí thực hiện nhiệm vụ

TT	Tên nhiệm vụ	Nội dung/hoạt động	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Nhiệm vụ 1: Tập huấn cho Cộng tác viên 13 xã, thị trấn về bệnh không lây nhiễm và giảm muối i-ốt	Hoạt động 1: Báo cáo viên (600.000 đồng/buổi x 2 buổi/ngày x 7 lần)	7	1.200.000	8.400.000	
		Hoạt động 2: Tài liệu (20.000 đồng/bộ x 62 bộ x 7 lần)	7	1.240.000	8.680.000	
		Hoạt động 3: Nước uống (20.000 đồng/buổi x 2 buổi/ngày x 62 người x 7 lần)	7	2.480.000	17.360.000	
		Hoạt động 4: Tiền ăn người không hưởng lương (150.000 đồng/người/ngày x 62 người x 7 lần)	7	9.300.000	65.100.000	
2	Nhiệm vụ 2: Điều tra ngẫu nhiên hộ gia đình sử dụng muối i-ốt	Hoạt động 1: Công phỏng vấn, tư vấn hộ gia đình (150.000 đồng/xã x 13 xã x 7 lần)	7	1.950.000	13.650.000	
		Hoạt động 2: Bồi dưỡng người dân tham gia phỏng vấn (20.000 đồng/người x 15 người/xã x 13 xã x 7 lần)	7	3.900.000	27.300.000	

TT	Tên nhiệm vụ	Nội dung/hoạt động	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		Hoạt động 3: Hỗ trợ nhân viên y tế khám, áp dẫn đường (15.000 đồng/ngày/xã x 13 xã x 7 lần)	7	1.950.000	13.650.000	
3	Nhiệm vụ 3: Tập huấn truyền thông nhóm cộng đồng cho người dân về bệnh không lây nhiễm và giảm muối i-ốt	Hoạt động 1: Báo cáo viên (600.000 đồng/buổi/xã x 13 xã x 7 lần)	7	7.800.000	54.600.000	
		Hoạt động 2: Hỗ trợ người dân không lương (75.000 đồng/buổi/người x 40 người/xã x 13 xã x 7 lần)	7	39.000.000	273.000.000	
		Hoạt động 3: Nước uống (20.000 đồng/buổi/người x 40 người/xã x 13 xã x 7 lần)	7	10.400.000	72.800.000	
4	Nhiệm vụ 4: Hỗ trợ cộng tác viên mời đối tượng uống vitamin A (2 đợt/năm)	Hỗ trợ CTV 148.000 đồng /ngày/người x 2 ngày/năm x 62 người x7 lần)	868	148.000	128.464.000	
5	Nhiệm vụ 5: Hỗ trợ cộng tác viên cân, đo trẻ < 5 tuổi (1 lần/năm)	Hỗ trợ CTV 148.000 đồng /ngày/người x 1 ngày/năm x 62 người x7 lần)	434	148.000	64.232.000	
6	Nhiệm vụ 6: Nói chuyện chuyên đề về dinh dưỡng hợp lý	Hoạt động 1: Báo cáo viên (600.000 đồng/buổi/xã x 4 xã/năm x 7 lần)	7	2.400.000	16.800.000	

TT	Tên nhiệm vụ	Nội dung/hoạt động	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
		Hoạt động 2: Nước uống (20.000 đồng/buổi/người x 30 người/xã x 4 xã x 7 lần)	7	2.400.000	16.800.000	
7	Nhiệm vụ 7: Băng rol tuần lễ nuôi con bằng sữa mẹ (từ ngày 1 đến ngày 7 tháng 8 hằng năm)	Băng rol (300.000 đồng/băng/xã/năm x 14 x 7 lần) 14 gồm 13 TYT và TTYT	7	4.200.000	29.400.000	
8	Nhiệm vụ 8: Băng rol tuần lễ dinh dưỡng và phát triển (từ ngày 16 đến ngày 23 tháng 10 hằng năm)	Băng rol (300.000 đồng/băng/xã/năm x 14 x 7 lần) 14 gồm 13 TYT và TTYT	7	4.200.000	29.400.000	
Tổng cộng					839.636.000	